

Số: /2021/NQ-HĐND

Đồng Tháp, ngày 09 tháng 12 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách của các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp từ năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP  
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ BA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn;*

*Xét Tờ trình số 107/TTr-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về dự thảo Nghị quyết ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách của các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp từ năm 2022; Báo cáo thẩm tra số 377/BC-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa của các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp từ năm 2022, thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022-2025.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân Tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; thường xuyên kiểm tra, sơ kết, tổng kết và báo cáo kết quả thực hiện với

Hội đồng nhân dân Tỉnh tại kỳ họp gần nhất. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 197/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân Tỉnh Quy định tỷ lệ phân cấp nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất trên địa bàn xã.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân Tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân Tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân Tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân Tỉnh có trách nhiệm giám sát chặt chẽ việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp Khoá X, Kỳ họp thứ ba thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Kiểm toán nhà nước Khu vực IX;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT/TU, UBND, UBNDTQVN Tỉnh;
- Đoàn ĐBQH Tỉnh;
- Các sở, ban, ngành Tỉnh;
- TT/HĐND, UBND huyện, thành phố;
- TT/HĐND, UBND xã, phường, thị trấn;
- Công báo Tỉnh;
- Lưu: VT, KT-NS.

**CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Thắng**

## **QUY ĐỊNH**

**Về việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách của các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp từ năm 2022**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 80/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp)*

### **Chương I** **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp trong thời kỳ ổn định ngân sách từ năm 2022 đến năm 2025 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các sở, ban, ngành tỉnh, các cơ quan, đơn vị khác có liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.
2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác lập, phân bổ, chấp hành dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

### **Chương II** **PHÂN CẤP NGUỒN THU VÀ TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC NGUỒN THU GIỮA CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG**

#### **Điều 3. Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%**

1. Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp từ khu vực doanh nghiệp nhà nước (*kể cả trung ương và địa phương*), khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.
2. Thuế tài nguyên thu từ các đơn vị do cấp tỉnh quản lý, trừ thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí.
3. Thuế tiêu thụ đặc biệt.
4. Thuế bảo vệ môi trường (*ngân sách địa phương được hưởng theo quy định tỷ lệ của trung ương là 48%*).
5. Thuế vãng lai của các nhà thầu thực hiện các dự án đầu tư, xây dựng cơ bản do cấp tỉnh quản lý.
6. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp các đơn vị do cấp tỉnh quản lý.

7. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu thì được phép trích lại một phần hoặc toàn bộ, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan.

8. Lệ phí môn bài đối với tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ do cấp tỉnh quản lý thu trừ lệ phí môn bài thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh và lệ phí môn bài thu từ cá nhân, nhóm cá nhân, hộ kinh doanh ở xã, phường, thị trấn.

9. Lệ phí do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh tổ chức thu.

10. Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do cấp tỉnh quản lý.

11. Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước các đơn vị do cấp tỉnh quản lý, do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định cho thuê.

12. Tiền sử dụng đất đối với các dự án, khu công nghiệp do cấp tỉnh quản lý.

13. Thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa nộp vào ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

14. Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu hoặc doanh nghiệp mà có vốn của tỉnh tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác thuộc tỉnh quản lý.

15. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp tỉnh xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật.

16. Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán, xổ số lô tô tự chọn.

17. Thu từ quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh.

18. Thu cấp quyền khai thác khoáng sản đối với giấy phép do cấp tỉnh cấp.

19. Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của nhà nước; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu.

20. Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu.

21. Thu tiền chậm nộp ngân sách cấp tỉnh được hưởng theo khoản thu phát sinh tiền chậm nộp.

22. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp tỉnh.

23. Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

24. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

25. Các khoản thu khác nộp vào ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật;

26. Thu bổ sung cân đối ngân sách, thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương.

27. Thu kết dư ngân sách cấp tỉnh.

28. Thu chuyển nguồn ngân sách cấp tỉnh từ năm trước chuyển sang.

#### **Điều 4. Thu ngân sách huyện, thành phố (cấp huyện) hưởng 100%**

1. Lệ phí môn bài thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, trừ lệ phí môn bài thu từ cá nhân, nhóm cá nhân, hộ kinh doanh ở xã, phường, thị trấn.

2. Tiền sử dụng đất, trừ tiền sử dụng đất nộp vào ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

3. Tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước nộp vào ngân sách cấp huyện theo quy định của pháp luật.

4. Lệ phí trước bạ, trừ lệ phí trước bạ nhà, đất.

5. Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước các đơn vị do cấp huyện quản lý, do Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định cho thuê.

6. Các khoản phí, lệ phí nộp vào ngân sách cấp huyện theo quy định của pháp luật;

7. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước cấp huyện thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ theo quy định; các khoản phí thu được từ hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện nộp.

8. Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện quyết định.

9. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp huyện theo quy định của pháp luật.

10. Huy động từ các tổ chức, cá nhân cho ngân sách cấp huyện theo quy định của pháp luật.

11. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách cấp huyện theo quy định của pháp luật.

12. Các khoản thu khác nộp ngân sách cấp huyện theo quy định của pháp luật;
13. Thuế vãng lai của các nhà thầu thực hiện các dự án đầu tư, xây dựng cơ bản do cấp huyện quản lý.
14. Thu tiền chậm nộp ngân sách cấp huyện được hưởng theo khoản thu phát sinh tiền chậm nộp.
15. Thu chuyển nguồn ngân sách cấp huyện từ năm trước chuyển sang.
16. Thu bổ sung cân đối, thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp Tỉnh.
17. Thu kết dư ngân sách cấp huyện.

**Điều 5. Nguồn thu ngân sách xã, phường, thị trấn (cấp xã) hưởng 100%**

1. Các khoản phí, lệ phí, nộp vào ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật.
2. Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, nhóm cá nhân, hộ kinh doanh ở xã, phường, thị trấn.
3. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cấp xã thực hiện.
4. Thu hoa lợi công sản từ quỹ đất công ích, quỹ đất công.
5. Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do cấp xã quyết định.
6. Các khoản huy động đóng góp của tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước trực tiếp cho ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật.
7. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ngoài nước trực tiếp cho xã theo chế độ quy định.
8. Các khoản thu khác nộp vào ngân sách xã theo quy định của pháp luật.
9. Thu chuyển nguồn ngân sách cấp xã từ năm trước chuyển sang.
10. Thu bổ sung cân đối, thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp huyện.
11. Thu tiền chậm nộp ngân sách cấp xã được hưởng theo khoản thu phát sinh tiền chậm nộp.
12. Thu kết dư ngân sách cấp xã.

**Điều 6. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã:**

1. Nguồn thu được phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa cấp ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện:
  - a) Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp từ khu vực công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh:
 

Đối với 02 khoản thu trên, ngân sách cấp huyện, thành phố hưởng 100%.
  - b) Thuế thu nhập cá nhân:

- Thu nộp ngân sách cấp tỉnh đối với thuế thu nhập cá nhân bao gồm từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân về hoa hồng bảo hiểm, đại lý xổ số kiến thiết, chuyển nhượng chứng khoán, trúng thưởng, chuyển nhượng vốn (*không bao gồm chuyển nhượng chứng khoán*), từ đầu tư vốn của cá nhân, tiền lương, tiền công.

- Thu nộp ngân sách cấp huyện đối với thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và nhận quà tặng là bất động sản; bản quyền, nhượng quyền thương mại; thừa kế, quà biếu, quà tặng khác từ bất động sản; từ hoạt động cho thuê tài sản.

2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách cấp huyện và cấp xã:

- a) Lệ phí môn bài thu từ cá nhân hộ kinh doanh.
- b) Lệ phí trước bạ nhà, đất.
- c) Thuế sử dụng đất nông nghiệp.
- d) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

Đối với 4 khoản thu tại điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 6 Quy định này, ngân sách xã, thị trấn được hưởng 100%. Riêng ngân sách phường, ủy quyền cho Hội đồng nhân dân thành phố quyết định tỷ lệ phần trăm phân chia cho ngân sách phường được hưởng và được ổn định tỷ lệ phần trăm phân chia trong suốt thời kỳ ổn định.

e) Phân cấp tỷ lệ 10% nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất (*sau khi hoàn trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng*) trên địa bàn xã cho ngân sách xã để thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

3. Thu tiền chậm nộp ngân sách theo khoản thu phát sinh tiền chậm nộp theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã.

### **Chương III**

## **PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI GIỮA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH; CẤP HUYỆN; CẤP XÃ**

### **Điều 7. Nhiệm vụ chi ngân sách cấp tỉnh**

1. Chi đầu tư phát triển:

- a) Chi đầu tư xây dựng cơ bản các chương trình, dự án do cấp tỉnh quản lý.
- b) Chi đầu tư và hỗ trợ vốn các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của cấp tỉnh theo quy định của pháp luật; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp do cấp tỉnh quản lý theo quy định của pháp luật.
- c) Các khoản chi đầu tư phát triển khác do cấp tỉnh quản lý theo quy định của pháp luật.

d) Chi bổ sung quỹ phát triển đất từ nguồn thu tiền sử dụng đất do cấp tỉnh quản lý.

đ) Chi đầu tư phát triển từ nguồn thu tiền sử dụng đất do cấp tỉnh quản lý.

## 2. Chi thường xuyên:

a) Chi quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội do ngân sách địa phương bảo đảm theo quy định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

b) Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề:

Chi sự nghiệp giáo dục, gồm chi hoạt động giáo dục các trường trung học phổ thông, trường trẻ em khuyết tật và các hoạt động khác về giáo dục do cấp tỉnh quản lý.

Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề bao gồm chi hoạt động đào tạo trường cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, đào tạo nghề, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác do cấp tỉnh quản lý.

c) Nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học và công nghệ, các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác.

d) Chi sự nghiệp y tế cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã: Bao gồm phòng bệnh, chữa bệnh, dân số và kế hoạch hóa gia đình, bảo hiểm y tế cho các đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ và các hoạt động y tế khác.

đ) Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin: Bao gồm bảo tồn, bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật và hoạt động văn hóa khác do cấp tỉnh quản lý.

e) Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình và các hoạt động thông tin khác do cấp tỉnh quản lý.

g) Chi sự nghiệp thể dục - thể thao: Bao gồm bồi dưỡng, huấn luyện, huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh; các giải thi đấu cấp tỉnh; quản lý các cơ sở thi đấu thể dục, thể thao và các hoạt động thể dục, thể thao khác do cấp tỉnh quản lý.

h) Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường thuộc cấp tỉnh quản lý.

i) Chi sự nghiệp kinh tế:

Sự nghiệp giao thông: Duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cầu đường và các công trình giao thông khác, lập biển báo và các biện pháp an toàn giao thông trên các tuyến đường do cấp tỉnh quản lý.

Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp và lâm nghiệp: Duy tu, bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi, trạm kỹ thuật nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; công tác khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến nông; chi khoán nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản do cấp tỉnh quản lý.

Sự nghiệp tài nguyên: Điều tra cơ bản, đo đạc địa giới hành chính; đo vẽ bản đồ; đo đạc, lập bản đồ và lưu trữ hồ sơ địa chính và các hoạt động sự nghiệp địa chính khác do cấp tỉnh quản lý.



Chi cho công tác quy hoạch; thương mại, du lịch do cấp tỉnh quản lý.

Chi sự nghiệp kinh tế khác do cấp tỉnh thực hiện theo quy định của pháp luật.

k) Chi đảm bảo xã hội do cấp tỉnh thực hiện theo quy định của pháp luật.

l) Hoạt động của các cơ quan nhà nước thuộc cấp tỉnh; cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam thuộc cấp tỉnh, cấp huyện; hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thuộc cấp tỉnh.

m) Hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

n) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản tiền do ngân sách cấp tỉnh vay.

4. Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính của tỉnh.

5. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách tỉnh.

6. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện.

### **Điều 8. Nhiệm vụ chi ngân sách cấp huyện**

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội theo phân cấp của tỉnh. Riêng đối với thành phố Cao Lãnh, thành phố Sa Đéc và thành phố Hồng Ngự được phân cấp thêm nhiệm vụ chi đầu tư xây dựng các trường phổ thông các cấp, điện chiếu sáng, cấp thoát nước, giao thông đô thị, vệ sinh đô thị và các công trình phúc lợi công cộng khác trên địa bàn.

b) Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất theo phân cấp quản lý và các nguồn khác theo quy định hiện hành của Nhà nước.

c) Chi đầu tư phát triển khác do cấp huyện quản lý theo quy định của pháp luật, bao gồm chi nộp ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp tỉnh để ngân sách cấp tỉnh trả nợ vay đầu tư cụm tuyến dân cư, tôn nền vượt lũ.

2. Chi thường xuyên:

a) Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo gồm:

- Nhà trẻ, mẫu giáo trên địa bàn phường.

- Giáo dục phổ thông trung học cơ sở, giáo dục tiểu học, bổ túc văn hoá, các loại hình giáo dục khác như phổ cập giáo dục, xoá mù chữ...thuộc cấp huyện quản lý.

- Chi sự nghiệp đào tạo của Trung tâm bồi dưỡng chính trị, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện quản lý.

b) Chi sự nghiệp văn hoá, thông tin, phát thanh, thể dục thể thao do cấp huyện quản lý.

c) Chi đảm bảo xã hội: Chi cứu đói, mai táng phí, trợ cấp xã hội, trợ cấp nuôi dưỡng tại cộng đồng, quà lễ tế thờ cúng bà mẹ Việt Nam anh hùng, thăm hỏi các đối tượng chính sách, phòng chống các tệ nạn xã hội, các hoạt động xã hội khác do cấp huyện quản lý.

d) Chi sự nghiệp môi trường do cấp huyện quản lý theo quy định của pháp luật.

đ) Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do cấp huyện quản lý:

Sự nghiệp giao thông: duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cầu đường và các công trình giao thông khác; lập các biển báo và các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến đường do cấp huyện quản lý

Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp và lâm nghiệp: duy tu bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi, trạm kỹ thuật nông nghiệp; công tác khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến nông; chi khoanh nuôi, bảo vệ nguồn lợi thủy sản do cấp huyện quản lý.

Chi sự nghiệp thị chính: duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, giao thông nội thị, công viên và các sự nghiệp thị chính khác do cấp huyện quản lý.

Chi cho công tác quy hoạch do cấp huyện quản lý: (1) Dự án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 đối với các khu chức năng của đô thị loại 1, 2, 3, 4, loại 5; (2) Dự án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 các khu chức năng của đô thị; (3) Dự án quy hoạch chi tiết xây dựng các dự án đầu tư xây dựng công trình không tập trung, không mang tính chất kinh doanh; (4) Dự án quy hoạch điểm dân cư nông thôn; (5) Chi quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.

Các sự nghiệp kinh tế khác do cấp huyện quản lý.

e) Chi quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội:

- Chi quốc phòng gồm: Công tác giáo dục quốc phòng toàn dân; công tác tuyên truyền và đón tiếp quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về; đăng ký quân nhân dự bị; tổ chức huấn luyện cán bộ dân quân tự vệ; hội nghị và tập huấn nghiệp vụ dân quân tự vệ.

- Chi an ninh trật tự và an toàn xã hội gồm: Tuyên truyền giáo dục phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc; hỗ trợ các chiến dịch giữ gìn an ninh trật tự và an toàn xã hội; hỗ trợ sơ kết tổng kết phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc; hỗ trợ hoạt động an ninh, trật tự ở cơ sở.

g) Chi hoạt động quản lý nhà nước cấp huyện.

h) Hoạt động của cơ quan Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam cấp huyện.

i) Hỗ trợ các tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp cấp huyện theo quy định của pháp luật.

k) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật, bao gồm chi nộp trả ngân sách cấp trên.

3. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã.

4. Chi chuyển nguồn năm sau của ngân sách cấp huyện

### **Điều 9. Nhiệm vụ chi ngân sách cấp xã**

1. Chi đầu tư phát triển:

Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo phân cấp của tỉnh từ nguồn ngân sách và nguồn huy động đóng góp trên nguyên tắc tự nguyện của các tổ chức cá nhân cho từng dự án nhất định.

2. Chi thường xuyên:

a) Sự nghiệp giáo dục: Hỗ trợ giáo dục đào tạo, giáo dục mầm non (*nhà trẻ, mẫu giáo*) do xã, thị trấn quản lý; đối với phường do ngân sách thành phố chi.

b) Sự nghiệp đảm bảo xã hội: Trợ cấp xã hội, mai táng phí, các hoạt động xã hội do cấp xã quản lý.

c) Sự nghiệp văn hóa - thông tin: Chi các hoạt động văn hóa thông tin, truyền thanh, tuyên truyền giáo dục pháp luật ở cơ sở, chi cuộc vận động xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư và các hoạt động khác do cấp xã quản lý.

d) Sự nghiệp thể dục thể thao: Chi tổ chức các hoạt động thể dục thể thao do cấp xã quản lý.

đ) Sự nghiệp văn xã khác: Hỗ trợ hoạt động dân số gia đình và trẻ em.

e) Quản lý, duy tu, bảo dưỡng các công trình kiến trúc, tài sản, công trình phúc lợi, đường giao thông do cấp xã quản lý; hỗ trợ các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư,...do cấp xã quản lý.

g) Chi sự nghiệp môi trường do cấp xã quản lý.

h) Hoạt động của các cơ quan nhà nước cấp xã.

i) Hoạt động của cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam cấp xã.

k) Hỗ trợ cho các tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp cấp xã theo quy định của pháp luật.

l) Công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội:

- Huấn luyện dân quân tự vệ, đăng ký nghĩa vụ quân sự, đưa thanh niên đi làm nghĩa vụ quân sự;

- Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự - an toàn xã hội; hoạt động bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

3. Chi chuyển nguồn năm sau của ngân sách cấp xã.

4. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật./.

